TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 316/2024/DS-ST
Ngày: 12/9/2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ toạ phiên toà: Ông Dương Phúc Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thanh Hà

2. Bà Phạm Thị Kim Hoàng

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Thị Nguyên – Thư ký Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Anh Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 241/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 228/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 163/2024/QĐST-HPT ngày 27 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1993

Địa chỉ: 290 Hải Thượng Lãn Ô, Phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1987

Địa chỉ liên hệ: 59 (trệt) Ngô Quyền, Phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Hợp đồng ủy quyền số 06769 do Phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 07/5/2024) (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phạm Lê Trí D, sinh năm 1993

Địa chỉ: 19-21 Đường 36, khu dân cư Bình Phú, Phường K, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phan Huệ L, sinh năm 1993

Địa chỉ: 290 Hải Thượng Lãn Ô, Phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt – có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và thẩm tra tại*

phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Minh H do ông Nguyễn Xuân T làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Giữa ông Nguyễn Minh H và ông Phạm Lê Trí D có mối quan hệ bạn bè nhiều năm, vào ngày 26/02/2024 ông H và ông D có ký kết Hợp đồng vay tiền do Văn phòng Công chứng Mai Việt Cường chứng nhận số 002927, quyển số 02/2024/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/02/2024, theo đó ông H cho ông D vay số tiền 1.500.000.000đồng, thời hạn cho vay: 03 năm, được tính từ ngày hai bên ký kết hợp đồng đến hết ngày 26/02/2027, mức lãi suất: 1%/tổng số tiền cho vay/tháng, bên vay có nghĩa vụ trả lãi cho bên cho vay vào ngày 01 dương lịch hàng tháng. Ông H đã giao đủ số tiền 1.500.000.000đồng cho ông D.

Thực hiện hợp đồng vay nêu trên, ông D không trả tiền lãi hàng tháng cho ông H, mặc dù ông H đã nhiều lần liên lạc nhưng ông D cố tình né tránh. Đến ngày 06/5/2024 ông H đã gửi Thông báo đòi nợ (đề ngày 06/5/2024) qua đường bưu điện đến nhà ông D yêu cầu trả toàn bộ số tiền lãi còn thiếu với hạn chót vào ngày 10/5/2024, nếu hết thời hạn trên không trả tiền lãi sẽ khởi kiện yêu cầu ông D trả toàn bộ tiền vốn và lãi nhưng ông D không thực hiện. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông H tiếp tục có Thông báo đòi nợ lần 2 đề ngày 19/7/2024, theo đó ông H yêu cầu Dũng trả toàn bộ số tiền lãi còn thiếu với hạn chót vào ngày 29/7/2024, nếu hết thời hạn trên không trả tiền lãi sẽ khởi kiện yêu cầu ông D trả toàn bộ tiền vốn theo Vi bằng số 150/2024/VB-TPLQ11 do Văn phòng thừa phát lại Quận 11 lập ngày 22-23/7/2024. Tuy nhiên đến nay ông D vẫn không trả khoản tiền nào cho ông H.

Nay ông H yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Lê Trí D thanh toán toàn bộ số nợ còn thiếu là: 1.598.500.000đồng, trong đó gồm: tiền vốn là 1.500.000.000đồng, tiền lãi tính đến ngày 12/9/2024 là: 1.500.000.000 x 1% x (06 tháng + 17 ngày) = 98.500.000 đồng và buộc ông D có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc còn thiếu kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng vay tiền cho đến khi hoàn thành hết nghĩa vụ trả nợ cho ông H.

Ngoài ra, số tiền 1.500.000.000đồng của ông H cho ông D vay là tài sản riêng của ông H, không liên quan đến tài sản chung của vợ chồng.

** Bị đơn ông Phạm Lê Trí D vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.*

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Huệ L có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và có ý kiến trình bày như sau:*

Bà là vợ của ông Nguyễn Minh H, bà xác định số tiền ông H cho ông Phạm Lê Trí D vay 1.500.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền do Văn phòng Công chứng Mai Việt Cường chứng nhận số 002927, quyển số 02/2024/TP/CC-

SCC/HĐGD ngày 26/02/2024 là tài sản riêng của ông H, và xác định không có ý kiến, yêu cầu gì đối với số tiền này.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến:** Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Lê Trí D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ 2 nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng theo quy định pháp luật. Qua kiểm sát vụ án tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh H. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 về việc chấp hành pháp luật tố tụng và nội dung của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền theo loại việc: Theo đơn khởi kiện, ông Nguyễn Minh H khởi kiện yêu cầu ông Phạm Lê Trí D thanh toán tiền gốc và lãi vay theo Hợp đồng vay tiền do Văn phòng Công chứng Mai Việt Cường chứng nhận số 002927, quyển số 02/2024/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/02/2024. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền theo lãnh thổ: Theo Hợp đồng vay tiền do Văn phòng Công chứng Mai Việt Cường chứng nhận số 002927, quyển số 02/2024/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/02/2024 thể hiện địa chỉ thường trú của ông Phạm Lê Trí D tại số 19-21 Đường 36, khu dân cư Bình Phú, Phường K, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả xác minh của Công an Phường 10, Quận 6 ngày 16/7/2024 xác nhận *ông Phạm Lê Trí D, sinh năm 1993, có hộ khẩu thường trú tại 19-21 Đường số 36, Phường K, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, đã bán nhà đi khỏi địa phương từ năm 2011 đến nay, đi đâu không rõ nơi đến*. Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định không cung cấp được cho Tòa án địa chỉ nơi cư trú mới hiện nay của ông Phạm Lê Trí D. Như vậy, tại đơn khởi kiện ông Nguyễn Minh H đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của ông Phạm Lê Trí D được ghi trong Hợp đồng vay tiền số 002927 ngày 26/02/2024 được coi là "*đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở*". Việc ông Phạm Lê Trí D thay đổi nơi cư trú mà không báo cho ông H biết địa chỉ nơi cư trú mới được coi là cố tình giấu địa chỉ theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng

dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận 6, Thành phố Hố Chí Minh.

[3] Về xét xử vắng mặt các đương sự: Bị đơn ông Phạm Lê Trí D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Huệ L có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông D, bà Liên.

[4] Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc:

Theo Hợp đồng vay tiền do Văn phòng Công chứng Mai Việt Cường chứng nhận số 002927, quyển số 02/2024/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/02/2024, ông Nguyễn Minh H có cho ông Phạm Lê Trí D vay số tiền: 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 năm kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 26/02/2027. Xét thấy, các bên tham gia ký kết hợp đồng đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự 2015. Tại khoản 2 Điều 1 của hợp đồng vay tiền quy định *"Bên A (bên cho vay) đã giao toàn bộ một lần bằng tiền mặt số tiền quy định tại khoản 1 điều này cho bên B (bên vay) trước khi ký hợp đồng này. Bên B (bên vay) xác nhận đã nhận đủ số tiền nêu trên"* là căn cứ xác định ông D đã nhận đủ số tiền vay 1.500.000.000đồng.

Thực hiện hợp đồng vay, mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở phía bị đơn thanh toán tiền lãi hàng tháng theo thỏa thuận tại Điều 2 của hợp đồng nhưng bị đơn không thực hiện. Trước và trong quá trình giải quyết vụ án ông H đã hai lần có Thông báo đòi nợ ngày 06/5/2024 và ngày 19/7/2024 yêu cầu ông D trả tiền lãi nhưng đến nay ông D vẫn không trả khoản tiền nào cho ông H. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc 1.500.000.000đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về yêu cầu thanh toán tiền lãi:

Xét tại khoản 1 Điều 3 Hợp đồng vay tiền có thỏa thuận mức lãi suất: 1%/tổng số tiền vay/tháng (tức 12%/năm), mức lãi suất này phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Từ khi ký kết hợp đồng cho đến nay bị đơn chưa trả khoản tiền lãi nào cho nguyên đơn. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi tính từ ngày ký kết hợp đồng đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền: 1.500.000.000 x 1% x (06 tháng + 17 ngày) = 98.500.000đồng là có cơ sở chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo mức lãi suất các bên thoả thuận trong hợp đồng vay tiền kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ cho nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Số tiền ông Nguyễn Minh H cho ông Phạm Lê Trí D vay: 1.500.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền do Văn phòng Công chứng Mai Việt Cường chứng nhận số 002927, quyển số 02/2024/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/02/2024 là tài sản riêng của ông H, đồng thời bà Phan Huệ L - vợ của ông H cũng xác nhận việc này, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về quyền lợi, nghĩa vụ của bà Liên trong vụ án này.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Phạm Lê Trí D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền vốn vay và tiền lãi còn thiếu tính đến ngày xét xử sơ thẩm 1.598.500.000 đồng là: 59.955.000 đồng (Năm mươi chín triệu, chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Nguyên đơn ông Nguyễn Minh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh H.

Buộc ông Phạm Lê Trí D có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Minh H tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: **1.598.500.000 đồng** (Một tỷ, năm trăm chín mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng), trong đó gồm: số tiền vốn là 1.500.000.000đồng, số tiền lãi là 98.500.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền do Văn phòng Công chứng Mai Việt Cường chứng nhận số 002927, quyển số 02/2024/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/02/2024.

Thời hạn thanh toán: ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 13/9/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, ông Phạm Lê Trí D còn phải trả cho ông Nguyễn Minh H khoản tiền lãi phát sinh tính trên

số tiền nợ gốc còn thiếu theo mức lãi suất các bên thoả thuận trong Hợp đồng vay tiền do Văn phòng Công chứng Mai Việt Cường chứng nhận số 002927, quyển số 02/2024/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/02/2024.

Thi hành án tại cơ quan Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Lê Trí D phải chịu: 59.955.000 đồng (Năm mươi chín triệu, chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Minh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho ông Nguyễn Minh H số tiền 29.175.000 đồng (Hai mươi chín triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0010074 ngày 25/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Ông Nguyễn Minh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Phạm Lê Trí D và bà Phan Huệ L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận 6;
- CCTHADS Quận 6;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Phúc Trường